TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH QUẢNG NAM** **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Số: 164/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25/7/2019
V/v:*"Ly hôn, tranh chấpnuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Văn Phú
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Phụng và ông Trần Mậu Sáu
Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc tham gia phiên tòa:Bà Trương Thị Vân, Kiểm sát viên

Ngày 25tháng 7năm 2019tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N. Có mặt
- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn T. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt)
Cùng trú tại: Thôn M, xã L, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thu N trình bày: Chị và anh Nguyễn Tấn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới , có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào năm 2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường hay nhậu nhẹt về nhà hành hung đánh đập, xúc phạm đến chị; vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay.

Chị N xét thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để mỗi người được tự do định đoạt cuộc sống riêng cho mình.

Anh T đồng ý với lời trình bày của chị N về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn, nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh là do trong cuộc sống vợ chồng còn nhiều vấn đề thiếu sót, anh có hay uống rượu về nói nặng lời với chị N. Nay chị N xin ly hôn, anh xét thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm nên anh T không đồng ý ly hôn, anh T mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ.

2. Về con chung:Chị N và anh T cùng khai nhận, vợ chồng có một con chung là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 15/12/2012, từ khi sinh ra đến cuối tháng 3/2019, cháu P ở với vợ chồng chị N và anh T tại nhà mẹ ruột chị N là bà Nguyễn Thị Kim B (thôn M, xã L, huyện Đ), đến tháng 4/2019, khi vợ chồng mâu thuẫn thì anh T bồng con về nhà mẹ ruột

là bà Nguyễn Thị K (thôn M, xã L, huyện Đ), không cho chị N đến thăm nom, chăm sóc con. Hiện tại cháu học xong lớp một trường Tiểu học G (xã L, huyện Đ). Chị N và anh T đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, tuy anh Nguyễn Tấn T vắng mặt nhưng anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Trong thời gian đem con về nuôi, anh Nguyễn Tấn T không trực tiếp chăm sóc con mà để cho mẹ anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi cho con, đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị N không yêu cầu đóng góp nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa anh Nguyễn Tấn T vắng mặt, nhưng anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Tấn T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào năm 2012, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của chị N và anh T thì thấy, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường hay nhậu nhẹt về nhà hành hung, đánh đập, xúc phạm đến chị N. Vợ chồng không sống chung từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung:Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 15/12/2012, từ khi sinh ra đến cuối tháng 3/2019, cháu P ở với vợ chồng chị N và anh T tại nhà mẹ ruột chị N là bà Nguyễn Thị Kim B (thôn M, xã L, huyện Đ), đến tháng 4/2019, khi vợ chồng mâu thuẫn thì anh T bồng con về nhà mẹ ruột là bà Nguyễn Thị K(thôn M, xã L, huyện Đ), không cho chị N đến thăm nom, chăm sóc con. Hiện tại cháu học xong lớp một trường Tiểu học G(xã L, huyện Đ).

Kết quả xác minh cho thấy, anh T đi làm ăn và ở trọ tại thành phố Đà Nẵng, từ khi đưa con về nhà mẹ ruột nuôi, anh không về nhà hàng ngày mà cuối tuần mới về một lần,

có lúc hai tuần mới về, không thường xuyên chăm sóc, nuôi dưỡng con mà để con cho mẹ anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện cháu thiếu sự chăm sóc trực tiếp của cha và mẹ. Mặt khác, anh T không cung cấp cho Tòa về mức thu nhập hàng tháng, nên không có cơ sở cho việc xét nuôi con.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị N thì thấy: Từ nhỏ đến lớn, con ở với chị, chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chỉ đến khi anh T bồng con về nhà mẹ anh T và không cho chị đến thăm nom, chăm sóc thì chị mới không thể trực tiếp chăm sóc nuôi con. Chị N có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng 6.700.000 đồng, đảm bảo điều kiện để nuôi con.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con, chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị N phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 27, Điều 147 BLTTDS; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu N

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

2.Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 15/12/2012 cho chị Nguyễn Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Tấn T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- ***Về án phí:*** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số 0003218 ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

- ***Về quyền kháng cáo:*** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Thu N có quyền kháng cáo và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết,anh Nguyễn Tấn T có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *UBND xã L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HUỲNH VĂN PHÚ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**